Tên: ……..

Lớp: S5…

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngữ pháp: …..

Đọc: …..

GLOBAL ENGLISH 5

Unit 5: Our brain - Grammar Revision

A. GRAMMAR REVISION

❖ **Zero conditional** *(Câu điều kiện loại 0)*

- **Cách dùng:** Diễn tả **điều luôn đúng** (chân lý, thói quen, quy tắc) - **Nếu A xảy ra thì B *luôn* xảy ra.**
- **Công thức**:

Mệnh đề If	Mệnh đề chính
***If* + present simple,**	***present simple***
If *babies* ***are hungry,***	*they* ***cry****.*

- **Lưu ý**:

1. Đảo vị trí hai mệnh đề - Khi If đứng sau: **không dùng dấu phẩy**.	**If it rains**, the plants get wet. = The plants get wet **if it rains**.
2. Mệnh đề chính có thể là câu mệnh lệnh	If you feel sick, **go to the doctor**. If you want help, **ask your teacher**.
3. "If" có thể thay bằng "when" (không đổi nghĩa)	**If it's cold**, I stay home. = **When it's cold**, I stay home.

❖ **Question tags** *(Câu hỏi đuôi)*

- **Định nghĩa**: Câu hỏi đuôi là một **câu hỏi ngắn** nằm đằng **sau mệnh đề chính**, được ngăn cách bởi dấu phẩy.
- **Cách dùng**: Sử dụng khi người nói muốn **xác minh thông tin** trong mệnh đề chính là đúng hay không.
- **Công thức chung**: **S + V + O, trợ động từ + đại từ nhân xưng?**

Mệnh đề chính ***khẳng định,***	trợ động từ ***viết tắt dạng phủ định*** + đại từ nhân xưng?
Mệnh đề chính ***phủ định,***	trợ động từ dạng ***khẳng định*** + đại từ nhân xưng?

- Một số trường hợp Question Tags thường gặp:

Thì		Công thức	Mệnh đề chính	Phần hỏi đuôi
Hiện tại đơn	Động từ "to be"	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, isn't/aren't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, is/are + P?**	He **is** nice, He **is not** nice,	**isn't** he? **is** he?
	Động từ thường	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, don't/doesn't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, do/does + P?**	Tom **likes** football, Tom **doesn't like** football,	**doesn't** he? **does** he?
Quá khứ đơn	Động từ "to be"	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, wasn't/weren't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, was/were + P?**	They **were** late, They **weren't** late,	**weren't** they? **were** they?
	Động từ thường	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, didn't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, did + P?**	She **left** early, She **didn't leave** early,	**didn't** she? **did** she?
Động từ khuyết thiếu		Mệnh đề chính ***khẳng định*****, modal verb + not + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, modal verb + P?**	The children **can swim,** The children **can't swim**,	**can't** they? **can** they?

Note: *S = subject: chủ ngữ; V = verb: động từ; O = object: tân ngữ; P = pronoun: đại từ nhân xưng.*

LIVEWORKSHEETS

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**school bell** (n)	chuông trường	4	**secure** (adj)	an toàn, được bảo vệ
2	**a swarm of bees** (n)	một đàn ong	5	**hometown** (n)	quê hương, thị trấn
3	**statue** (n)	tượng	6	**jewellery** (n)	đồ trang sức

**Note*: *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK (10 questions)

I. Match to make ZERO CONDITIONAL sentences.

~~*0. If you touch a cactus,*~~	A. your heart beats faster.
1. When you run fast,	B. go straight to your class.
2. If you want a healthy brain,	C. stay calm.
3. When you hear the school bell,	~~*D. you get hurt.*~~
4. If you see a swarm of bees,	E. eat lots of fruit and vegetables.
5. If you ride your bike to school,	F. wear your helmet.

Your answer:

0 - D	1 -	2 -	3 -	4 -	5 - .....

II. Complete the dialogue with the given QUESTION TAGS in the box.

~~*don't you*~~	can't you	didn't you	do you	isn't there	isn't it

Inspector Fox: You look after all the statues, ***(0)*** *don't you*?

Museum guard: Yes, I do.

Inspector Fox: You don't stay in this room all the time, **(1)** .....?

Museum guard: No, I don't. I walk around and check all the rooms.

Inspector Fox: You can see if anything is missing, **(2)** .....?

Museum guard: Yes, I can. The gold statue isn't here.

Inspector Fox: It's usually next to this picture, **(3)** .....?

Museum guard: Yes, it is.

Inspector Fox: You locked all the display cases last night, **(4)** .....?

Museum guard: Yes, I did. Everything was secure until this morning.

Inspector Fox: There's a photo of it in the guidebook, **(5)** .....?

Museum guard: Yes, there is. Look, here it is. The statue is worth half a million pounds!

LIVEWORKSHEETS

KET – Part 2 (5 questions)

Read about three teenage business people. Choose the best answer for each question.

Noa Mintz

Noa started a business when she was 8, holding art classes for children. Two years later, she began a party planning business for children. She doesn't think that went very well. She thinks that because she was very young, the business wasn't exactly perfect. These days, she is sure that she knows what she's doing, as she has a business that finds staff to look after other people's children. She also pays someone to help her with the business.

Mikaila Ulmer

Mikaila has opened a company called Me and the Bees. It sells lemonade, which is made with local honey. The drink is sold in several shops in Mikaila's home town and online, and some of the money is given to nature groups that work with bees and other insects. Mikaila also shows children and their families how to get ideas to make money. She says, 'I think I've got lots of good advice for them.'

Jessie Chong

When Jessie was really young, her parents told her that she should find something that she loved doing. She's happy she did because she thinks everyone should love their work. Jessie makes jewellery and sells it online. She looks at flowers and plants, and then uses the shapes and colours she sees in her jewellery.

	Noa Mintz	Mikaila Ulmer	Jessie Chong
16. Which person is helping wildlife?	A	B	C
17. Which person has given someone a job?	A	B	C
18. Which person gets ideas for her business from nature?	A	B	C
19. Which person wants to teach children about business?	A	B	C
20. Which person has opened other companies before?	A	B	C

LIVEWORKSHEETS